

**ĐỀ 1****PHÒNG GD&ĐT
VĨNH TƯỜNG****ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KỲ II NĂM HỌC 2018 - 2019****Môn: Hóa học- Lớp 8**

Thời gian làm bài: 45 phút (Không kể thời gian giao đề)

A. Phần trắc nghiệm (2,0 điểm): Hãy chọn đáp án đúng trong các câu sau:**Câu 1.** Trong các dãy chất sau đây, dãy chất nào làm quì tím chuyển màu xanh?

- A. KClO_3 , NaCl , FeSO_4 , MgCO_3 .
B. CaO , SO_3 , BaO , Na_2O .
C. Ca(OH)_2 , KOH , NaOH , Ba(OH)_2 .
D. HCl , HNO_3 , H_2SO_4 , H_3PO_4 .

Câu 2. Xét các chất: Na_2O , KOH , MgSO_4 , Ba(OH)_2 , HNO_3 , HCl , $\text{Ca(HCO}_3)_2$. Số oxit; axit; bazơ, muối lần lượt là:

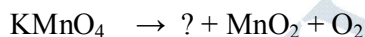
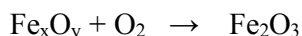
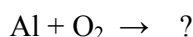
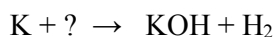
- A. 1; 2; 2; 3. B. 1; 2; 2; 2. C. 2; 2; 1; 2. D. 2; 2; 2; 1

Câu 3. Nồng độ % của một dung dịch cho biết

- A. Số gam chất tan có trong 100g nước.
B. Số gam chất tan có trong 1000ml dung dịch.
C. Số gam chất tan có trong 100ml nước.
D. Số gam chất tan có trong 100g dung dịch.

Câu 4. Biết độ tan của KCl ở 30°C là 37. Khối lượng nước bay hơi ở 30°C từ 200g dung dịch KCl 20% để được dung dịch bão hòa là:

- A. 52 gam. B. 148 gam. C. 48 gam D. 152 gam

B. Phần tự luận (8,0 điểm)**Câu 5.** Hoàn thành các phương trình hóa học sau và cho biết chúng thuộc loại phản ứng gì?:**Câu 6.** Nêu phương pháp nhận biết các chất khí sau: Khí nitơ, hidro, oxi, cacbon đioxit, và khí metan (CH_4). Viết PTHH nếu có?**Câu 7.** Cho 5,4 gam bột Nhôm tác dụng vừa đủ với 400ml dung dịch HCl

- a. Tính nồng độ mol/lít dung dịch HCl đã dùng?
b. Lượng khí Hidro thu được ở trên cho qua bình đựng 32g CuO nung nóng thu được m gam chất rắn. Tính % khối lượng các chất trong m?

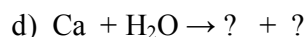
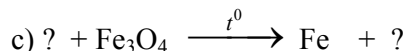
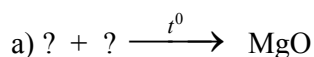
**PHÒNG GD&ĐT
VĨNH TƯỜNG****HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2018 - 2019****Môn: Hóa học - Lớp 8.****A. Phần trắc nghiệm: (2,0 điểm)**



Câu	1	2	3	4
Đáp án	C	B	D	A
Thang điểm	0,5	0,5	0,5	0,5

B. Phần tự luận: (8,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 3đ	$2K + 2H_2O \rightarrow 2KOH + H_2$ (Phản ứng thế)	0,75đ
	$4Al + 3O_2 \rightarrow 2Al_2O_3$ (Phản ứng hóa hợp)	0,75đ
	$4Fe_xO_y + (3x - 2y) O_2 \rightarrow 2xFe_2O_3$ (Phản ứng hóa hợp)	0,75đ
	$2KMnO_4 \rightarrow K_2MnO_4 + MnO_2 + O_2$ (Phản ứng phân hủy) (HS xác định sai mỗi phản ứng trừ 0,25đ)	0,75đ
Câu 2 2đ	- Dùng dung dịch nước vôi trong nhận ra khí CO_2 PTHH: $CO_2 + Ca(OH)_2 \rightarrow CaCO_3 + H_2O$	0,5đ
	- Dùng tàn đóm đỏ nhận ra khí O_2 PTHH: $C + O_2 \rightarrow CO_2$	0,5đ
	- Ba khí còn lại dẫn qua bột CuO nung nóng, khí làm đổi màu CuO thành đỏ gạch là khí H_2 PTHH: $CuO + H_2 \rightarrow Cu + H_2O$	0,5đ
	Hai khí còn lại đem đốt, khí cháy được là CH_4 , còn lại là Nito PTHH: $CH_4 + 2O_2 \rightarrow CO_2 + 2H_2O$	0,5đ
Câu 7 3đ	Đổi $400ml = 0,4l$ PTHH: $2Al + 6HCl \rightarrow 2AlCl_3 + 3H_2$ (1) $n_{Al} = \frac{5,4}{27} = 0,2(mol)$	0,5đ
	Theo PTHH (1) $n_{HCl} = 3n_{Al} = 3 \cdot 0,2 = 0,6(mol)$ $C_{M ddHCl} = \frac{0,6}{0,4} = 1,5M$	0,5đ
	Theo PTHH (1) $n_{H_2} = 3/2n_{Al} = 3/2 \cdot 0,2 = 0,3(mol)$ $n_{CuO} = \frac{32}{80} = 0,4(mol)$	0,5đ
	PTHH: $CuO + H_2 \rightarrow Cu + H_2O$ Trước pư: 0,4 0,3(mol) Khi pư: 0,3 0,3 0,3(mol) Sau pư: 0,1 0 0,3(mol) $m_{CuO dư} = 0,1 \cdot 80 = 8(g)$ $m_{Cu} = 0,3 \cdot 64 = 19,2(g)$ Trong m có 8g CuO dư và 19,2g Cu $\%CuO = \frac{8}{27,2} \cdot 100\% = 29,4\%$; $\%Cu = 70,6\%$ (Học sinh làm theo cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa)	0,5đ

**ĐỀ 2****PHÒNG GD&ĐT TAM ĐẢO****ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG CUỐI NĂM****MÔN: HÓA HỌC 8***Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian chép đề)***Câu 1 (2,0 điểm).** Lập phương trình hóa học của các phản ứng sau:**Câu 2 (4,0 điểm).**

1. Cho các oxit sau đây: Fe_2O_3 , P_2O_5 , SiO_2 , Na_2O . Oxit nào là oxit bazơ? Viết công thức của bazơ tương ứng. Oxit nào là oxit axit? Viết công thức của axit tương ứng.

2. Có 3 bình đựng riêng biệt các chất khí: không khí, O_2 , H_2 . Hãy nhận biết các chất khí trên bằng phương pháp hóa học.

Câu 3 (4,0 điểm).

Cho 10,4g hỗn hợp Mg và Fe tác dụng vừa đủ với dung dịch HCl 0,5M, tạo ra 6,72 lit khí H_2 (ở đktc).

- Viết các phương trình hoá học xảy ra?
- Tính khối lượng mỗi kim loại trong hỗn hợp ban đầu?
- Tính thể tích của dung dịch HCl 0,5M đã dùng?

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG CUỐI NĂM**MÔN: HÓA HỌC 8**

CÂU	NỘI DUNG		ĐIỂM
1	a) $2\text{Mg} + \text{O}_2 \xrightarrow{to} 2\text{MgO}$ b) $\text{Zn} + 2\text{HCl} \rightarrow \text{ZnCl}_2 + \text{H}_2\uparrow$ c) $4\text{H}_2 + \text{Fe}_3\text{O}_4 \xrightarrow{to} 3\text{Fe} + 4\text{H}_2\text{O}$ d) $\text{Ca} + 2\text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{Ca(OH)}_2 + \text{H}_2\uparrow$		0,5 0,5 0,5 0,5
2.a	Oxit bazơ (0,5 đ)	Bazơ tương ứng (0,5 đ)	1,0 1,0
	Fe_2O_3	Fe(OH)_3	
	Na_2O	NaOH	
	Oxit axit (0,5 đ)	Axit tương ứng (0,5 đ)	
	P_2O_5	H_3PO_4	
	SiO_2	H_2SiO_3	

2.b	- Dẫn mỗi khí trong bình ra, để que đóm cháy còn tàn đỏ ở miệng ống dẫn khí thấy:	0,5
	Khí nào làm tàn đỏ bùng cháy là oxi.	0,5
	Phương trình: $C + O_2 \xrightarrow{to} CO_2$	
	- Hai khí còn lại đem đốt, khí nào cháy trong không khí có ngọn lửa xanh nhạt là H_2	0,5
	Phương trình: $2H_2 + O_2 \xrightarrow{to} 2H_2O$	0,5
	- Khí còn lại là không khí.	
3	a) $Mg + 2HCl \rightarrow MgCl_2 + H_2 \uparrow$ (1)	0,5
	$Fe + 2HCl \rightarrow FeCl_2 + H_2 \uparrow$ (2)	0,5
	b) $n_{H_2} = 6,72/22,4 = 0,3 \text{ mol}$	0,5
	Đặt số mol của Mg và Fe trong hỗn hợp lần lượt là x, y (x, y > 0), theo đề bài ta có $24x + 56y = 10,4$ (*)	0,5
	Theo PTHH (1), (2) $\Rightarrow x+y = 0,3$ (**)	0,5
	Từ (*), (**) $\Rightarrow x = 0,2 \text{ mol} = n_{Mg}$, $y = 0,1 \text{ mol} = n_{Fe}$	0,5
	$\Rightarrow m_{Mg} = 0,2 \cdot 24 = 4,8g$; $m_{Fe} = 0,1 \cdot 56 = 5,6 g$	0,5
	c) Theo PTHH (1), (2) $\Rightarrow n_{HCl} = 2x+2y=0,6 \text{ mol}$, $\Rightarrow V_{\text{dung dịch HCl}} = 0,6/0,5=1,2 \text{ (lit)}$	0,5
	Tổng điểm	10,0

ĐỀ 3

PHÒNG GD-ĐT BÌNH SƠN
TRƯỜNG THCS BÌNH
CHÂU

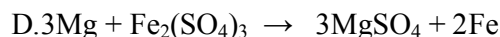
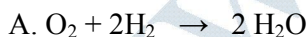
ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ II
MÔN: HÓA HỌC - KHỐI 8

Thời gian: 45 phút (không kể giao đề)

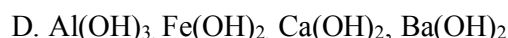
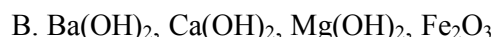
A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (4đ)

Hãy chọn và khoanh tròn vào câu trả lời đúng.

Câu 1: Phản ứng nào sau đây thuộc loại phản ứng thế?



Câu 2: Dãy nào trong các dãy sau đây toàn là bazơ?



Câu 3: Đốt cháy 9 gam Cacbon. Thể tích Cacbon đioxit CO_2 thu được (đktc) là:

A. 22,4 lít

B. 44,8 lít

C. 16,8 lít

D. 11,2 lít

Câu 4: Khí Hidro được bơm vào khinh khí cầu, bóng thám không vì Hidro là khí:

A. Không màu.

B. Nhẹ nhất trong các loại khí.

C. Có tác dụng với Oxi trong không khí.

D. Ít tan trong nước.

Câu 5: Nhóm các chất chỉ gồm muối trung hòa là:



- A. NaCl , K_2SO_4 , CaCO_3 , $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$.
- B. KNO_3 , HCl , MgSO_4 , NaHCO_3 .
- C. K_2SO_4 , HNO_3 , FeCl_3 , MgSO_3 .
- D. MgCl_2 , H_2SO_4 , Na_2CO_3 , ZnCl_2 .

Câu 6: Dung dịch làm quì tím chuyển sang màu xanh là:

- A. K_2SO_4 B. H_2SO_4 C. KOH D. NaHCO_3

Câu 7: Hòa tan 5gam NaCl vào 95gam nước cất ta được dung dịch có nồng độ là:

- A. 100% B. 95% C. 5% D. 20%.

Câu 8: Nồng độ mol của 0,05mol KCl có trong 200ml dung dịch là:

- A. 1M B. 0,25M C. 0,2M D. 0,1M

Câu 9: Điền từ hoặc cụm từ thích hợp vào dấu (...) cho những câu dưới đây.

Phân tử bazơ gồm liên kết với một hay nhiều Phân tử muối gồm một hay nhiều nguyên tử liên kết với

Câu 10: Khoanh tròn vào chữ **Đ** (nếu cho là **đúng**) chữ **S** (nếu cho là **sai**).

- a. Phản ứng phân hủy là phản ứng hóa học từ một chất cho ra hai hay nhiều chất mới.
- b. Phản ứng hóa hợp là phản ứng hóa học giữa đơn chất và hợp chất trong đó nguyên tử của đơn chất thay thế nguyên tử của một nguyên tố khác trong hợp chất.
- c. Dung dịch chưa bão hòa là dung dịch không thể hòa tan thêm chất tan.
- d. Dung dịch bão hòa là dung dịch có thể hòa tan thêm chất tan.

B. PHẦN TƯ LUẬN: (6đ)

Câu 1 (2đ) Hãy chọn chất thích hợp điền vào dấu hỏi (?) và phân loại phản ứng.

- A. $? + \text{O}_2 \rightarrow \text{P}_2\text{O}_5$
- B. $\text{Al} + \text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow ? + \text{H}_2$
- C. $\text{P}_2\text{O}_5 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow ?$
- D. $\text{KMnO}_4 \rightarrow ? + ? + ?$

Câu 2 (1đ) Có ba lọ chưa có nhãn đựng ba dung dịch sau: H_2SO_4 , KOH , KCl . Bằng phương pháp hóa học hãy nhận biết các dung dịch trên.

Câu 3 (3đ) Cho 13gam kẽm vào bình chứa dung dịch axit clohidric dư.

- a. Viết phương trình hóa học của phản ứng.
- b. Tính khối lượng ZnCl_2 tạo thành?
- c. Tính thể tích khí H_2 thoát ra ở đktc?
- d. Nếu dùng toàn bộ lượng chất khí vừa sinh ra ở phản ứng trên để khử sắt (III) oxit dư thì sau phản ứng thu được bao nhiêu gam sắt?

(Cho $\text{Fe} = 56$; $\text{Zn} = 65$; $\text{H} = 1$; $\text{Cl} = 35,5$; $\text{O} = 16$)

ĐÁP ÁN KIỂM TRA HỌC KỲ II

MÔN: HÓA HỌC 8

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (4đ) Hãy chọn và khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất.

Mỗi ý trả lời đúng: (0,25đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	D	C	B	A	C	C	B

Câu 9: a) Một nguyên tử kim loại; nhóm hidroxit.

b) Kim loại; một hay nhiều gốc axit.

Câu 10:

Câu	a	b	C	d
Đáp án	Đ	S	S	S

B. PHÂN TƯ LUẬN: (6đ)

Câu 1: Viết đúng mỗi PTHH (0,5đ)

Câu 2: Dùng quì tím để nhận biết các dung dịch. Dd H_2SO_4 làm quì tím chuyển sang màu đỏ, KOH làm quì tím chuyển sang màu xanh, chất còn lại là KCl

Câu 3:

Nội dung	Biểu điểm
a. $Zn + 2HCl \longrightarrow ZnCl_2 + H_2$	0,25đ
b. $n_{Zn} = \frac{13}{65} = 0,2 \text{ (mol)}$	0,25đ
$n_{ZnCl_2} = n_{H_2} = n_{Zn} = 0,2 \text{ (mol)}$	0,5đ
$m_{ZnCl_2} = 0,2 \cdot 137 = 27,4 \text{ (g)}$	0,5đ
c. $V_{H_2} = 0,2 \cdot 22,4 = 4,48 \text{ (l)}$	0,5đ
Theo PTPƯ ta có	
$3H_2 + Fe_2O_3 \xrightarrow{t^0} 2Fe + 3H_2O$	0,5đ
3mol 1mol 2mol	
Đặt tỉ lệ 0,2 0,133	
$n_{Fe} = (0,6 \cdot 2) : 3 = 0,133 \text{ (mol)}$	0,25đ
$\Rightarrow m_{Fe} = 0,133 \cdot 56 = 7,448 \text{ (g)}$	0,25đ

ĐỀ 4

TRƯỜNG PTDTNT THCS & THPT BÙ GIA MẬP ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ II

I./ TRẮC NGHIỆM: (3 điểm)

Khoanh tròn vào một trong các chữ cái A, B, C hoặc D mà em cho là đúng nhất:

Câu 1: Dung dịch làm quì tím hóa đỏ là:



A. K_2SO_4 B. H_2SO C. KOH D. $NaCl$.

Câu 2: Nồng độ mol của 100ml dung dịch có chứa 0,05mol $CuSO_4$ là:

A. 1M B. 0,25M C. 0,2M D. 0,5M

Câu 3: Khí hiđro được bơm vào khinh khí cầu, bóng thám không vì hiđro là khí :

- A. Không màu.
B. Nhẹ nhất trong các khí.
C. Tác dụng với oxi trong không khí.
D. Ít tan trong nước.

Câu 4: Nồng độ phần trăm của 400g dung dịch có chứa 20g KCl là:

A. 0,5% B. 5% C. 5,3% D. 20%

Câu 5: Bằng cách nào sau đây có thể pha chế được dung dịch $NaCl$ 5%:

- A. Hòa tan 10g $NaCl$ vào 90g H_2O . B. Hòa tan 5g $NaCl$ vào 100g H_2O .
C. Hòa tan 5g $NaCl$ vào 95g H_2O . D. Hòa tan 10g $NaCl$ vào 190g H_2O .

Câu 6: Có thể thu khí oxi bằng phương pháp đẩy nước vì:

- A. Khí oxi nhẹ hơn nước. B. Không còn cách thu khí oxi nào khác.
C. Khí oxi không tan trong nước. D. Khí oxi ít tan trong nước.

Câu 7: Chọn cụm từ thích hợp để điền vào dấu (...) cho những câu sau:

a. Phân tử bazơ gồm liên kết với một hay nhiều nhóm hidroxit.

- A. Nguyên tử kim loại. B. Một nguyên tử kim loại.
C. Nguyên tử phi kim. D. Một nguyên tử phi kim.

b. Dung dịch là hỗn hợp

- A. Của chất rắn trong chất lỏng. B. Của chất khí trong chất lỏng.
C. Đồng nhất của chất rắn và dung môi. D. Đồng nhất của chất tan và dung môi.

Câu 8: (1 điểm) Nối ý ở cột A với ý thích hợp ở cột B:

A	B
1. Nồng độ phần trăm của dung dịch	a. Cho biết số gam chất tan có trong 100g nước tạo thành dung dịch.
2. Phản ứng phân hủy	b. Cho biết số mol chất tan có trong 1 lít dung dịch.
3. Nồng độ mol của dung dịch	c. Là phản ứng hóa học trong đó chỉ có một chất mới được tạo thành từ hai hay nhiều chất ban đầu.
4. Phản ứng hóa hợp	d. Cho biết số gam chất tan có trong 100g dung dịch. e. Là phản ứng hóa học trong đó một chất sinh ra hai hay nhiều chất.

II./ TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Hoàn thành các phản ứng hóa học sau: (ghi rõ điều kiện phản ứng, nếu có)

- a) $\dots + \dots \rightarrow P_2O_5$
b) $KMnO_4 \rightarrow K_2MnO_4 + MnO_2 + \dots$
c) $Zn + HCl \rightarrow \dots + \dots$
d) $CaO + H_2O \rightarrow \dots$



Câu 2: (1,5 điểm) Phân loại và đọc tên các hợp chất sau: Na_2SO_4 , HNO_3 , SO_3 , $\text{Fe}(\text{OH})_2$, K_2O , H_3PO_4 .

Câu 3: (3,5 điểm) Cho 1,3g kẽm phản ứng hoàn toàn với 400ml dung dịch HCl.

- Viết PTHH.
- Tính thể tích khí hiđro thu được ở đktc.
- Tính nồng độ mol của dung dịch HCl đã dùng.
- Cho toàn bộ lượng khí hiđro thu được ở trên phản ứng với 0,8g CuO thì thu được bao nhiêu gam đồng?

(Cho $\text{Zn} = 65$, $\text{H} = 1$, $\text{Cl} = 35,5$, $\text{Cu} = 64$, $\text{O} = 16$)

.....Thí sinh không được sử dụng Bảng tuần hoàn hóa học.....

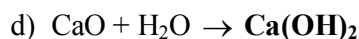
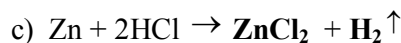
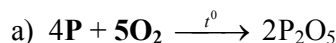
ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM: Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm.

- | | | |
|----------|-------------|-------------|
| Câu 1. B | Câu 5. C | Câu 8. 1- d |
| Câu 2. D | Câu 6. D | 2- e |
| Câu 3. B | Câu 7. a) B | 3- b |
| Câu 4. B | b) D | 4- c |

II. TỰ LUẬN:

Câu 1: Hoàn thành đúng một phản ứng được 0,5 điểm.



Câu 2: Phân loại và gọi tên đúng mỗi chất được 0,25 điểm.

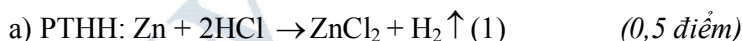
Oxit: K_2O : Kali oxit Bazơ: $\text{Fe}(\text{OH})_2$: Sắt (II) hiđroxit

SO_3 : Lưu huỳnh trioxit

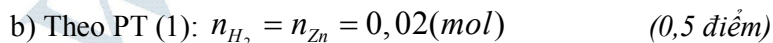
Axit: H_3PO_4 : Axit photphoric Muối: Na_2SO_4 : Natri sunfat

HNO_3 : Axit nitric

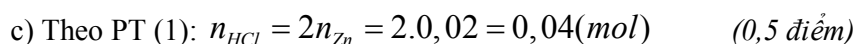
Câu 3:



$$n_{\text{Zn}} = \frac{m}{M} = \frac{1,3}{65} = 0,02(\text{mol}) \quad (0,25 \text{ điểm})$$



$$V_{\text{H}_2} = n.22,4 = 0,02.22,4 = 0,448(\text{l}) \quad (0,5 \text{ điểm})$$

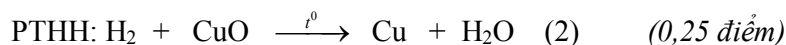


$$C_{M_{\text{HCl}}} = \frac{n}{V_{\text{dd}}} = \frac{0,04}{0,4} = 0,1M \text{ hoặc } 0,1(\text{mol/l}) \quad (0,5 \text{ điểm})$$

d)



$$n_{CuO} = \frac{m}{M} = \frac{0,8}{80} = 0,01(mol)$$



Theo PT: 1mol 1mol

Theo ĐB: 0,02mol 0,01mol

Lập tỉ lệ: $\frac{0,02}{1} > \frac{0,01}{1} \Rightarrow H_2$ dư, CuO phản ứng hết. (0,25 điểm)

Theo PT (2): $n_{Cu} = n_{CuO} = 0,01(mol)$

$m_{Cu} = n.M = 0,01.64 = 0,64(g)$ (0,25 điểm)

ĐỀ 5

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TÂY TRÀ
TRƯỜNG PTDTBT THCS
TRÀ THỌ

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KỲ II
MÔN THI: HÓA HỌC - LỚP: 8
Thời gian: 45phút (không kể thời gian giao đề)

Phần I: Trắc nghiệm (4 điểm)

Em hãy chọn đáp án đúng ở các câu và điền vào bảng dưới đây:

Câu 1: Chất nào sau đây dùng điều chế khí Oxi trong phòng thí nghiệm

- A. Fe, HCl B. Cu, HCl C. $KMnO_4$ D. H_2O

Câu 2: Xác định CTHH của diphospho pentaoxit

- A. P_2O_3 B. PO_3 C. P_5O_2 D. P_2O_5

Câu 3: Nhóm chất nào sau đây đều là axit?

- A: HCl, H_2SO_4 , K_2O B: NaOH, HNO_3 , HCl
C: H_2SO_4 , HBr, H_3PO_4 D: HNO_3 , NaHCO₃, H_3PO_4

Câu 4: Cặp chất nào sau đây có thể phản ứng được với nhau và gây nổ.

- A. H_2 và Fe B. H_2 và CaO C. H_2 và HCl D. H_2 và O_2

Câu 5: Xác định chất nào thuộc loại oxit bazơ

- A. SO_3 B. N_2O_5 C. Na₂O D. CO_2

Câu 6: Dung dịch bazơ làm quì tím chuyển đổi thành màu

- A. xanh B. đỏ C. không đổi D. vàng

Câu 7: Trong các hợp chất sau, hợp chất nào là muối

- A. CaO B. H_2SO_4 C. $Al_2(SO_4)_3$ D. NaOH

Câu 8: Công thức hoá học của Sắt (III) hiđroxit là?

- A. $Fe(OH)_3$ B. $Fe(OH)_2$ C. $Fe(OH)_4$ D. Fe_2O_3

Phần II: Tự luận (6 điểm)

Câu 9 (1,0 điểm): Phân tử bazơ là gì? Có mấy loại? Cho ví dụ minh họa?

Câu 10 (1,0 điểm): Phân loại và đọc tên các chất sau: SO_2 , H_2SO_4 , $Fe(OH)_2$, $Ca(HCO_3)_2$.

Câu 11 (2 điểm): Tính toán và trình bày cách pha chế các dung dịch sau:

- 100 gam dung dịch NaCl 20%
- 200 ml dung dịch CaCO_3 4M

Câu 12 (2,0 điểm): Cho 3,1 g photpho (P) cháy trong không khí (O_2) thu được khí điphospho penta oxit (P_2O_5).

- Viết phương trình phản ứng xảy ra
 - Tính khối lượng điphospho penta oxit (P_2O_5) tạo thành .
 - Tính thể tích không khí cần dùng, biết thể tích không khí bằng 5 lần thể tích khí oxi.
- Các khí đo ở đktc. (Cho P =31, O = 16)

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN HÓA HỌC 8

Phần I: Trắc nghiệm khách quan (Mỗi câu 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	C	D	C	B	C	A

Phần II: Tự luận

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 9 1 điểm	* Phân tử bazơ gồm có một nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều nhóm hidro xit (-OH)	0,5
	* Có hai loại: - Bazơ tan: NaOH, KOH,... - Bazơ không tan: $\text{Fe}(\text{OH})_2$, $\text{Al}(\text{OH})_3$,...	0,5
Câu 10 1,0 điểm	* Oxit: SO_2 : Lưu huỳnh đi oxit	0,25
	* Axit: H_2SO_4 : Axit sunfuric	0,25
	* Bazơ: $\text{Fe}(\text{OH})_2$: Sắt (II) hidroxit	0,25
	* muối: $\text{Ca}(\text{HCO}_3)_2$. Canxi hidro cacbonat.	0,25



Câu 3 1,0 điểm	a) Khối lượng chất tan NaCl là: $m_{NaCl} = \frac{C\% \cdot m_{dd}}{100} = \frac{20 \cdot 100}{100} = 20g$ Khối lượng cần pha: $m_{H_2O} = m_{dd} - m_{ct} = 100 - 20 = 80g$ * Cách pha: - Cân đúng 20 gam NaCl khan cho vào cốc có dung tích 150 ml. - Đổ từ từ nước cất đến vạch thứ 80 ml vào cốc trên và khuấy nhẹ. Ta được 100g dung dịch NaCl 20%.	0,25
	b) Đổi 200 ml = 0,2 lít Số mol chất tan $n_{NaCl} = C_M \cdot V = 4 \cdot 0,2 = 0,8mol$ Khối lượng của 0,8 mol CaCO₃ là: $m_{NaCl} = n \cdot M = 0,8 \cdot 100 = 80g$ Cách pha: - Cân lấy 80gam CaCO₃ khan cho vào cốc thủy tinh có dung tích 300ml. - Đổ từ từ nước cất đến vạch 200 ml vào cốc trên khuấy nhẹ. Ta được 200ml dung dịch CaCO₃ 4M.	0,25
		0,25
		0,25
		0,25
		0,25
		0,25
		0,25
Câu 4 2,0 điểm	a) Phương trình phản ứng: $4P + 5O_2 \xrightarrow{t^0} 2P_2O_5$ 0,1 0,125 0,05	0,25
	b) Theo bài ta có $n_P = \frac{3,1}{31} = 0,1mol$. Theo phương trình: $n_{P_2O_5} = \frac{2}{4} n_P = \frac{2}{4} 0,1 = 0,05mol$ Khối lượng của P₂O₅ tạo thành: $m_{P_2O_5} = 0,05 \cdot 142 = 7,1g$	0,25
	c. Theo phương trình: $n_{O_2} = \frac{5}{4} n_P = \frac{5}{4} 0,1 = 0,125mol$ Thể tích khí Oxi: $V_{O_2} = n \cdot 22,4 = 0,125 \cdot 22,4 = 2,8lit$ Thể tích không khí là: $V_{kk} = 5 \cdot V_{O_2} = 5 \cdot 2,8 = 14lit$	0,25
		0,25
		0,25
		0,25
		0,5

Lưu ý : Cách giải khác đúng vẫn tính điểm tối đa cho học sinh



Vững vàng nền tảng, Khai sáng tương lai

Website **HOC247** cung cấp một môi trường **học trực tuyến** sinh động, nhiều **tiện ích thông minh**, nội dung bài giảng được biên soạn công phu và giảng dạy bởi những **giáo viên nhiều năm kinh nghiệm**, **giỏi về kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng sư phạm** đến từ các trường Đại học và các trường chuyên danh tiếng.

I. Luyện Thi Online

Học mọi lúc, mọi nơi, mọi thiết bị – Tiết kiệm 90%

- **Luyện thi ĐH, THPT QG:** Đội ngũ **GV Giỏi, Kinh nghiệm** từ các Trường ĐH và THPT danh tiếng xây dựng các khóa **luyện thi THPTQG** các môn: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, Vật Lý, Hóa Học và Sinh Học.
- **Luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán:** Ôn thi **HSG lớp 9** và **luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán** các trường *PTNK, Chuyên HCM (LHP-TĐN-NTH-GĐ), Chuyên Phan Bội Châu Nghệ An* và các trường Chuyên khác cùng *TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Trịnh Thanh Đèo và Thầy Nguyễn Đức Tấn*.

II. Khoá Học Nâng Cao và HSG

Học Toán Online cùng Chuyên Gia

- **Toán Nâng Cao THCS:** Cung cấp chương trình Toán Nâng Cao, Toán Chuyên dành cho các em HS THCS lớp 6, 7, 8, 9 yêu thích môn Toán phát triển tư duy, nâng cao thành tích học tập ở trường và đạt điểm tốt ở các kỳ thi HSG.
- **Bồi dưỡng HSG Toán:** Bồi dưỡng 5 phân môn **Đại Số, Số Học, Giải Tích, Hình Học và Tổ Hợp** dành cho học sinh các khối lớp 10, 11, 12. Đội ngũ Giảng Viên giàu kinh nghiệm: *TS. Lê Bá Khánh Trình, TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Lưu Bá Thắng, Thầy Lê Phúc Lữ, Thầy Võ Quốc Bá Cẩn* cùng đội HLV đạt thành tích cao HSG Quốc Gia.

III. Kênh học tập miễn phí

*HOC247 NET cộng đồng học tập miễn phí
HOC247 TV kênh Video bài giảng miễn phí*

- **HOC247 NET:** Website học miễn phí các bài học theo **chương trình SGK** từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn học với nội dung bài giảng chi tiết, sửa bài tập SGK, luyện tập trắc nghiệm miễn phí, kho tư liệu tham khảo phong phú và cộng đồng hỏi đáp sôi động nhất.
- **HOC247 TV:** Kênh **Youtube** cung cấp các Video bài giảng, chuyên đề, ôn tập, sửa bài tập, sửa đề thi miễn phí từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn Toán- Lý - Hoá, Sinh- Sử - Địa, Ngữ Văn, Tin Học và Tiếng Anh.